

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Bản án số: 36/2023/DS-ST
Ngày 28-9-2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Đăng

Bà Trần Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Trường Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2023/QQĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A; địa chỉ: X Nguyễn Thị Minh Khai, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P-Tổng giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đình L-Phó giám đốc phòng quản lý nợ; địa chỉ: Lầu X, toà nhà A số X Nguyễn Thị Minh Khai, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Uỷ quyền lại cho bà Nguyễn Thị D, địa chỉ: Lô A số X Hoàng Hoa Thám, phường Y, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt)

- Bị đơn: Ông Hoàng Đức L, sinh năm 1985, bà Hà Thị N, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Bà Hà Thị N uỷ quyền cho ông Hoàng Đức L theo văn bản uỷ quyền ngày 31-7-2023 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:**

Căn cứ thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số BAR.CN.2591.311019 ngày 01/11/2019, giữa Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là “Ngân hàng A”) và ông Hoàng Đức Linh, Hà Thị N có ký các hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng cấp tín dụng số BAR.CN.2583.311019 ngày 01/11/2019, số tiền vay 700.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất trong hạn quy định trong khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả 10%/năm, phương thức trả nợ định kỳ hàng tháng trả nợ gốc và lãi. Để thực hiện Thỏa thuận tín dụng và Hợp đồng tín dụng nêu trên, A đã giải ngân cho ông Hoàng Đức L và bà Hà Thị N bằng Khế ước nhận nợ số 295528209 ngày 05-11-2019, số tiền 700.000.000 đồng. Mức lãi suất trong hạn 10.50%/năm, lãi cho vay ngày 15%/năm. Lãi suất cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ tháng tiếp theo 03 tháng điều chỉnh lãi một lần với biên độ $LS13+3.9\%/năm$.

2. Hợp đồng cấp tín dụng số BAR.CN.1933.180521 ngày 18/05/2021, số tiền cho vay 950.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất trong hạn quy định trong từng khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm thanh toán 10%/năm, phương thức trả nợ định kỳ hàng tháng trả nợ lãi, nợ gốc trả cuối kỳ. Để thực hiện Thỏa thuận tín dụng và Hợp đồng tín dụng nêu trên, A đã giải ngân cho ông Hoàng Đức L và bà Hà Thị N bằng Khế ước nhận nợ số 355056559 ngày 16-02-2022, số tiền 950.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 9%/năm cố định 06 tháng, kể từ ngày tiếp theo lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần với $LSCS+3\%/năm$.

Để bảo đảm cho hai hợp đồng tín dụng trên, ông L, bà N có ký với Ngân hàng A hợp đồng thế chấp số BAR.BĐCN.407.311019, được công chứng tại Phòng công chứng Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, số công chứng 2114; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Phú Mỹ ngày 01/11/2019. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 282, 281, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: Ấp Trảng Lớn, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là thửa đất số 454,455, tờ bản đồ số 34, phường Hắc Dịch, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hoàng Đức L, bà Hà Thị N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 398414 và CK 398416 vào sổ cấp GCN: CS 11577 và CS 11579 do sở Tài nguyên và Môi trường, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu cấp ngày 30/08/2017. Ngoài ra ông L, bà N có ký Cam kết thế chấp tài sản của ông Hoàng Đức L và bà Hà Thị N lập ngày 18/05/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông L, bà N đã thanh toán được 405.620.266 đồng, trong đó nợ gốc 109.809.000 đồng của hợp đồng BAR.CN.2583.311019 ngày 01/11/2019, nợ lãi 295.779.727 đồng của hai hợp đồng, tiền phạt 31.539 đồng

của hợp đồng BAR.CN.2583.311019 ngày 01/11/2019. Đến ngày 18-10-2022 ông L, bà N ngừng thanh toán nợ lãi của hợp đồng số BAR.CN.1933.180251 ngày 18/5/2021. Ngày 25-02-2023 ông L, bà N ngừng thanh toán lãi cho hợp đồng tín dụng số BAR.CN.2583.311019 ngày 01/01/2019, vi phạm hợp đồng.

Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, thì:

- Ngày 17/11/2022, Ngân hàng A ra Thông báo chuyển nợ quá hạn đối với khoản vay số 355056559 ký ngày 16/02/2022

- Ngày 03/04/2023, Ngân hàng A ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với khoản vay số 295528209 ký ngày 05/11/2019

Tính đến ngày 28/9/2023, ông Hoàng Đức L và bà Hà Thị N còn nợ A số tiền là 1.743.388.397 đồng (một tỷ sáu trăm tám mươi một triệu không trăm linh bốn ngàn sáu trăm năm mươi tư đồng), trong đó gồm: vốn gốc 1.540.191.000 đồng, lãi trong hạn 23.297.160 đồng, lãi quá hạn 177.619.218 đồng, phạt chậm trả lãi 2.280.959 đồng, phí/các khoản phải trả khác 0 đồng.

Nay A khởi kiện yêu cầu:

1. Buộc ông Hoàng Đức L và bà Hà Thị N trả ngay cho A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày **28/9/2023** là 1.743.388.397 đồng (một bảy trăm bốn mươi ba triệu ba trăm tám mươi tám nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng), trong đó gồm: vốn gốc 1.540.191.000 đồng, lãi trong hạn 23.297.160 đồng, lãi quá hạn 177.619.218 đồng, phạt chậm trả lãi 2.280.959 đồng, phí/các khoản phải trả khác 0 đồng.

2. Buộc ông Hoàng Đức L và bà Hà Thị N còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, kể từ ngày 28/9/2023 đến ngày trả hết nợ.

3. Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

4. Nếu ông Hoàng Đức L và bà Hà Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản đảm bảo Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 282, 281, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: Ấp Trảng Lớn, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là thửa đất số 454,455, tờ bản đồ số 34, phường Hắc Dịch, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hoàng Đức L, bà Hà Thị để thu hồi nợ:

Bị đơn ông Hoàng Đức L trình bày:

Ông L xác nhận ông và bà N có ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp như trình bày của nguyên đơn.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông L, bà N thanh toán được một số kỳ tiền lãi theo hợp đồng. Đến cách đây khoảng 5 tháng do có khó khăn về kinh tế nên ông L, bà N ngừng thanh toán tiền lãi theo quy định của hợp đồng.

Nay ông L xác nhận ông và bà N còn nợ nguyên đơn số tiền 1.681.004.654 đồng (một tỷ sáu trăm tám mươi một triệu không trăm linh bốn ngàn sáu trăm năm mươi tư đồng), trong đó gồm: vốn gốc 1.540.191.000 đồng, lãi trong hạn 23.297.160 đồng, lãi quá hạn 116.476.708 đồng, phạt chậm trả lãi 1.039.786 đồng tạm tính đến ngày 05-7-2023 (ngày làm việc tại Tòa án).

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L đồng ý thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền 1.681.004.654 đồng (một tỷ sáu trăm tám mươi một triệu không trăm linh bốn ngàn sáu trăm năm mươi tư đồng), trong đó gồm: vốn gốc 1.540.191.000 đồng, lãi trong hạn 23.297.160 đồng, lãi quá hạn 116.476.708 đồng, phạt chậm trả lãi 1.039.786 đồng tạm tính đến ngày 05-7-2023.

Trường hợp ông L, bà N không thanh toán được số tiền trên thì đồng ý để cho Ngân hàng A yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ.

Ông L cung cấp thêm thông tin ông L và bà Hà Thị N hiện nay đã ly hôn, khi ly hôn không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn Hà Thị N :

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ và các văn bản tố tụng khác. Tuy nhiên bà N không thể hiện ý kiến, yêu cầu, không gửi tài liệu chứng cứ đến Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Ngày 31-7-2023 bà N uỷ quyền cho ông L tham gia tố tụng và quyết định vấn đề liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, ông L không cung cấp ý kiến và tài liệu chứng cứ cho bà N.

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:**

- *Về tố tụng:* Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý và giải quyết vụ việc trên là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Xét các tài liệu trong hồ sơ xác định bị đơn ông Hoàng Đức Linh và bà Hà Thị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng.

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, hợp đồng cấp tín dụng số BAR.CN.2583.311019 ngày 01/11/2019 và hợp đồng cấp tín dụng số BAR.CN.1933.180521 ngày 18/05/2021, có mục đích vay khác nhau. Tuy nhiên, hai hợp đồng tín dụng dựa trên cùng một thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số BAR.CN.2591.311019 ngày 01/11/2019 và cùng bảo đảm bằng một hợp đồng thế chấp với một khối tài sản là thửa đất 281, 282, tờ bản đồ 18, phường Hắc Dịch, thị xã Phú Mỹ. Nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết trong cùng một vụ án để đảm bảo việc thi hành án. Do đó, xác định vụ việc giải quyết trên thuộc loại quan hệ dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Hoàng Đức L, bà Hà Thị N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Nội dung giải quyết.

[2.1] *Hiệu lực hợp đồng:*

Xét hiệu lực của hợp đồng tín dụng.

Theo lời khai của nguyên đơn, bị đơn ông L và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xác định, ông L, bà N và Ngân hàng A có ký 02 hợp đồng tín dụng gồm:

Hợp đồng cấp tín dụng số BAR.CN.2583.311019 ngày 01/11/2019, số tiền vay 700.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất trong hạn quy định trong khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả 10%/năm, phương thức trả nợ định kỳ hàng tháng trả nợ gốc và lãi. Tại khế ước nhận nợ ngày 05-11-2019 qui định mức lãi suất trong hạn 10.50%/năm, lãi cho vay ngày 15%/năm. Lãi suất cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ tháng tiếp theo 03 tháng điều chỉnh lãi một lần với biên độ LS13+3.9%/năm.

Hợp đồng cấp tín dụng số BAR.CN.1933.180521 ngày 18/05/2021, số tiền cho vay 950.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất trong hạn quy định trong từng khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm thanh toán 10%/năm, phương thức trả nợ định kỳ hàng tháng trả nợ lãi, nợ gốc trả cuối kỳ. Tại khế ước nhận nợ ngày 16-02-2022 qui định mức lãi suất trong hạn 9%/năm cố định 06 tháng, kể từ ngày tiếp theo lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần với LSCS +3%/năm.

Xét hợp đồng vay tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức đảm bảo các điều kiện theo Điều 117 Bộ luật dân sự, đúng quy định tại 90, 91, 94, 98 Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước nên có hiệu lực pháp luật và phát sinh quyền, nghĩa vụ các bên.

Xét hiệu lực của hợp đồng thế chấp tài sản:

Ngày 01/11/2019, ông L, bà N có ký hợp đồng thế chấp số BAR.BĐCN.407.311019, được công chứng tại Phòng công chứng Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, số công chứng 2114; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Phú Mỹ ngày 01/11/2019. Tài sản thế chấp là quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 282, 281, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: Ấp Trảng Lớn, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là thửa đất số 454,455, tờ bản đồ số 34, phường Hắc Dịch, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hoàng Đức L, bà Hà Thị N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 398414 và CK 398416 vào sổ cấp GCN: CS 11577 và CS 11579 do sở Tài nguyên và Môi trường, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu cấp ngày 30/08/2017. Phạm vi bảo đảm là toàn bộ các nghĩa vụ nợ của bên được cấp tín dụng (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí và các khoản phải trả khác), theo hợp đồng tín dụng kể cả trường hợp phát sinh sau thời điểm ký hợp đồng thế chấp. Theo kết quả thẩm định tại chỗ ngày 28-07-2023, xác định các thửa đất 454,455, tờ bản đồ số 34, phường Hắc Dịch, thị xã Phú Mỹ có căn nhà cấp 4 và một số cây trồng do ông L, bà N tạo dựng trên đất. Ông L, bà N dùng tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình thế chấp vay tín dụng là hợp pháp. Các bên tham gia hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của Điều 117, Điều 317, 318 Bộ luật dân sự nên có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên.

[2.2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai nguyên đơn xác định được trong quá trình thực hiện hợp đồng ông L, bà N đã trả được 405.620.266 đồng, cụ thể:

Ông L bà N đã thanh toán 109.809.000 đồng tiền gốc, 237.171.471 đồng tiền lãi trong hạn, đến 18-10-2022 ông L, bà N ngừng thanh toán cho hợp BAR.CN.2583.311019 BAR.CN.1933.180251. Ngày 17-11-2022, Ngân hàng A thông báo cho ông L, bà N về thu hồi nợ trước hạn và chuyển toàn bộ số nợ thành nợ quá hạn sau 15 ngày kể từ ngày phát hành thông báo. Tính đến thời điểm xét xử ông L, bà N còn nợ 590.191.000 đồng vốn gốc, 15.410.858.000 đồng tiền lãi trong hạn, 53.015.717 đồng lãi quá hạn và 1.598.200 đồng tiền lãi phạt chậm thanh toán của hợp đồng BAR.CN.1933.180251.

Đối với hợp BAR.CN.1933.180251, Ngân hàng A xác định ông L, bà N thanh toán 58.668.356 đồng tiền lãi, đến ngày 25-02-2023, ông L, bà N ngừng thanh toán.

Ngày 17-11-2022, là ngày hết hạn cho vay, Ngân hàng A có thông báo cho ông L, bà N về việc chuyển nợ quá hạn. Tính đến thời điểm xét xử 28-9-2023, ông L, bà N còn nợ 950.000.000 đồng nợ vốn gốc, 7.886.301 đồng nợ lãi trong hạn, 124.603.562 đồng nợ lãi quá hạn và 682.759 đồng lãi phạt chậm thanh toán.

Đồng thời phía bị đơn ông L xác nhận sau khi vay ông L, bà N đã thanh toán được một số kỳ, cách thời điểm làm việc tại Tòa án (ngày 05-7-2023) khoảng 5 tháng trước ông L, bà N đã ngừng thanh toán do có khó khăn về tài chính.

Căn cứ Khoản 1 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng quy định:

“1. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng”.

Căn cứ Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà quy định:

Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả;

b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Theo hợp đồng tín dụng BAR.CN.2583.311019 ngày 01/11/2019 ông L, bà N có nghĩa vụ định kỳ hàng tháng thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Đối với hợp đồng BAR.CN.1933.180521 ngày 18/05/2021, ông L, bà N có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi hàng tháng, tiền gốc thanh toán cuối kỳ. Tuy nhiên, theo trình bày của ông L thì ông L, bà N thanh toán được một số kỳ đến khoảng 5 tháng trước thời điểm 05-7-2023 thì ngừng thanh toán cho hai khoản vay.

Như vậy ông L, bà N đã vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng đã ký. Ngân hàng A có quyền chấm dứt hợp đồng cho vay trước thời hạn và thu hồi vốn vay đối với hợp đồng tín dụng BAR.CN.2583.311019 ngày 01/11/2019. Khoản vay hợp đồng tín dụng BAR.CN.1933.180251 đến hạn ngày 17-11-2019, Ngân hàng A đã thông báo thu hồi nợ nhưng ông L, bà N không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ bên vay, nên khoản vay được chuyển thành nợ quá hạn. Do đó, yêu cầu trả nợ của Ngân hàng A là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 95 Luật

Các tổ chức tín dụng; các điểm a, c khoản 4 Điều 13, Điều 20, khoản 1 Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước nên được chấp nhận.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BAR.BĐCN.407.311019 ngày 01/11/2019, có hiệu lực pháp luật. Giữa ông L, bà N và Ngân hàng A không có thỏa thuận về cơ cấu lại nợ. Nên trường hợp ông L, bà N không thanh toán được nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 282, 281, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: Ấp Trảng Lớn, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là thửa đất số 454,455, tờ bản đồ số 34, phường Hắc Dịch, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu) để thu hồi nợ, là phù hợp quy định tại Điều 299, khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

Tại Quyết định số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25-5-2023, ông L và bà N thuận tình ly hôn, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên Toà án không xem xét. Do các hợp đồng tín dụng số BAR.CN.2583.311019 ngày 01/11/2019 và hợp đồng tín dụng số BAR.CN.1933.180521 ngày 18/05/2021, phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên ông L, bà N có nghĩa vụ liên đới thanh toán theo yêu cầu của Ngân hàng A.

[4] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016, ông Hoàng Đức Linh, bà Hà Thị N phải chịu án phí phần yêu cầu được Tòa án chấp nhận: $= (36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \times 943.388.397 \text{ đồng}) = 64.301.000 \text{ đồng}$. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 3.000.000 đồng chi phí tố tụng theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 158, 158, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 117, 466 Bộ luật dân sự; Điều 90, 91, 94, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước

Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH16 ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A đối với ông Hoàng Đức L, bà Hà Thị N về tranh chấp hợp đồng tín dụng số BAR.CN.2583.311019 ngày 01/11/2019 và hợp đồng tín dụng số BAR.CN.1933.180521 ngày 18/05/2021.

Buộc ông Hoàng Đức L, bà Hà Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền 1.743.388.397 đồng (Một tỷ bảy trăm bốn mươi ba triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng), trong đó gồm: 590.191.000 đồng (năm trăm chín mươi triệu một trăm chín mươi một nghìn đồng) vốn gốc, 15.410.858 đồng (mười lăm triệu bốn trăm mười nghìn tám trăm năm mươi tám đồng) lãi trong hạn, 53.015.717 đồng (năm mươi ba triệu không trăm mười lăm nghìn bảy trăm mười bảy đồng) lãi quá hạn và 1.598.200 đồng (một triệu năm trăm chín mươi tám nghìn hai trăm đồng) lãi phạt chậm trả đối với hợp đồng BAR.CN.2583.311019 ngày 01/11/2019 và 950.000.000 đồng (chín trăm năm mươi triệu đồng) vốn gốc, 7.886.301 đồng (bảy triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm lẻ một đồng) lãi trong hạn, 124.603.562 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm lẻ ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng) lãi quá hạn, 682.759 đồng (sáu trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi chín đồng) lãi phạt chậm trả đối với hợp đồng tín dụng số BAR.CN.1933.180521 ngày 18/05/2021. Lãi suất được tạm tính đến ngày 28-9-2023.

Từ ngày 29-9-2023, Hoàng Đức L, bà Hà Thị N có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP A tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng hợp đồng tín dụng số BAR.CN.2583.311019 ngày 01/11/2019 và hợp đồng tín dụng số BAR.CN.1933.180521 ngày 18/05/2021 cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp ông Hoàng Đức L, bà Hà Thị N không thanh toán được nợ thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản bảo đảm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 282, 281, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: Ấp Trảng Lớn, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là thửa đất số 454,455, tờ bản đồ số 34, phường Hắc Dịch, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 398414 và CK 398416 vào sổ cấp GCN: CS 11577 và CS 11579 do sở Tài nguyên và Môi trường, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu cấp ngày 30/08/2017, theo hợp đồng thế chấp số BAR.BĐCN.407.311019 ngày 01/11/2019, giữa Ngân hàng TMCP A với ông Hoàng Đức L, bà Hà Thị N để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ thu hồi nợ thì ông Hoàng Đức L, bà Hà Thị N có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho đến khi trả xong nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Hoàng Đức L, bà Hà Thị N phải nộp 3.000.000 đồng chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng TMCP A đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng nên ông Hoàng Đức L, bà Hà Thị N phải trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền 3.000.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Đức Linh, bà Hà Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 64.301.000 đồng (sáu mươi bốn triệu ba trăm lẻ một nghìn đồng). Trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền 30.364.000 đồng (ba mươi ba triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007152 ngày 29 tháng 5 năm 2023, của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ.

1. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

2. Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Lưu hồ sơ.

Huỳnh Thanh Trà